



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**

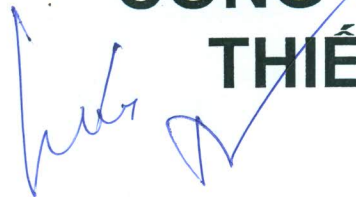


**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THIẾT BỊ ĐIỆN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN
THIẾT BỊ ĐIỆN

A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'Hồng', is written over the company name.

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2012	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	13 - 36
8. Phụ lục	37 - 40

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thiết bị điện trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã kiểm toán bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần thiết bị điện (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn

Công ty mẹ

Công ty cổ phần thiết bị điện là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty TNHH một thành viên thiết bị điện theo Quyết định số 0466/QĐ-BCT ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công thương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600253826, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 12 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 31 tháng 5 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

<i>Cổ đông</i>	<i>Vốn góp (VND)</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
Cổ đông Nhà nước (Tổng Công ty cổ phần thiết bị điện Việt Nam)	76.800.000.000	64,00
Công đoàn công ty	3.600.000.000	3,00
Nhân viên công ty	13.688.170.000	11,41
Cổ đông khác	25.911.830.000	21,59
Cộng	120.000.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : (84-61) 3 836 443 – 3 836 609

Fax : (84-61) 3 836 070

E-mail : thibidi@hcm.vnn.vn

Mã số thuế : 360253826

Các đơn vị trực thuộc:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty cổ phần thiết bị điện tại TP. Hồ Chí Minh	824 Trần Hưng Đạo, phường 7, quận 5, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty cổ phần thiết bị điện tại Hà Nội	P501- Tòa nhà HCO, số 44B Lý Thường Kiệt, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Hoạt động chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Thiết kế, chế tạo, bán buôn và bán lẻ các loại máy biến thế, động cơ điện, các loại máy móc thiết bị điện cao áp, hạ áp và phụ tùng;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại vật tư thiết bị điện cao hạ áp;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt thiết bị điện cao hạ áp;
- Thiết kế, thi công lắp đặt các công trình thiết bị điện;
- Cho thuê văn phòng.

Các công ty con

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Giấy phép thành lập</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>
Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi	Đường số 9, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000548 ngày 27 tháng 5 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.	51,00%
Công ty liên doanh Thibidi (Cambodia)	Lô P1-003, Đặc khu kinh tế Phnom Penh, đường số 4, quận Angsnuol, tỉnh Kandal, Campuchia	Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 385/BKH-ĐTRNN ngày 01 tháng 9 năm 2010 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.	63,75%



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 36).

Trong năm, Công ty cổ phần thiết bị điện đã phân phối lợi nhuận năm 2011 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 24 tháng 3 năm 2012 và tạm chia cổ tức tạm chia cổ tức năm 2012 theo Nghị quyết họp Hội đồng quản trị ngày 06 tháng 11 năm 2012 như sau:

Trích lập các quỹ năm trước	22.770.445.922 VND
Chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	200.000.000 VND
Chia cổ tức năm trước	2.400.000.000 VND
Tạm ứng cổ tức năm nay	18.000.000.000 VND
Cộng	43.370.445.922 VND

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thiết bị điện khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần thiết bị điện trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Kiến Thiết	Chủ tịch	13 tháng 4 năm 2013 (*)	-
Ông Lương Văn Trường	Ủy viên	13 tháng 4 năm 2013 (*)	-
Ông Nguyễn Minh Cường	Ủy viên	01 tháng 01 năm 2008	13 tháng 4 năm 2013
Ông Cao Hoàng Phát	Ủy viên	13 tháng 4 năm 2013 (*)	-
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Ủy viên	13 tháng 4 năm 2013 (*)	-
Ông Phan Ngọc Thảo	Ủy viên	13 tháng 4 năm 2013 (*)	-

(*) Ngày tái bổ nhiệm

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Tuấn Anh	Trưởng ban	13 tháng 4 năm 2013	-
Ông Thái Văn Đung	Trưởng ban	01 tháng 01 năm 2008	13 tháng 4 năm 2013
	Thành viên	13 tháng 4 năm 2013	-
Ông Nguyễn Đức Trung	Thành viên	01 tháng 01 năm 2008	13 tháng 4 năm 2013
Bà Nguyễn Hồng Ngọc	Thành viên	01 tháng 01 năm 2008	13 tháng 4 năm 2013
Ông Phan Hồng Kỳ	Thành viên	13 tháng 4 năm 2013	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phan Ngọc Thảo	Tổng Giám đốc	01 tháng 6 năm 2013	-
Ông Ngô Thanh Nguyên	Giám đốc	01 tháng 01 năm 2008	01 tháng 6 năm 2013
Ông Lương Văn Trường	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 6 năm 2013(**)	-
Ông Cao Hoàng Phát	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 6 năm 2013(**)	-
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 6 năm 2013(**)	-
Ông Nguyễn Đức Bình	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 6 năm 2013(**)	-

(**) Ngày tái bổ nhiệm và thay đổi chức danh từ Phó Giám đốc thành Phó Tổng Giám đốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thiết bị điện chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty cổ phần thiết bị điện đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thiết bị điện cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thiết bị điện phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Ngọc Châu

Ngày 20 tháng 8 năm 2013





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 1-3 Song Day St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0718/2013/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2012
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN**

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của Công ty cổ phần thiết bị điện bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần thiết bị điện (Công ty mẹ) và các công ty con (danh sách các công ty con được trình bày ở thuyết minh số I.5) (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 15 tháng 8 năm 2013, từ trang 06 đến trang 36 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thiết bị điện. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thiết bị điện cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



(Handwritten signature of Lý Quốc Trung)

Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0099-2013-008-1

(Handwritten signature of Phan Vũ Công Bá)

Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0197-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2013



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		617.144.463.418	655.259.009.787
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	149.477.997.709	141.030.631.546
1. Tiền	111		69.011.687.925	46.030.631.546
2. Các khoản tương đương tiền	112		80.466.309.784	95.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.244.500.000	3.582.416.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	6.244.500.000	3.582.416.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		56.994.102.409	127.009.305.104
1. Phải thu của khách hàng	131	V.3	54.696.221.605	97.996.842.586
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	10.635.784.404	35.128.616.824
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.5	3.881.654.190	5.981.477.204
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.6	(12.219.557.790)	(12.097.631.510)
IV. Hàng tồn kho	140		378.634.334.517	379.449.097.774
1. Hàng tồn kho	141	V.7	379.655.291.489	382.085.135.325
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(1.020.956.972)	(2.636.037.551)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		25.793.528.783	4.187.559.363
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		96.000.000	96.000.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.086.076.045	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	24.611.452.738	4.091.559.363

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		153.847.698.054	129.421.473.218
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		131.775.264.054	83.045.735.376
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	93.092.899.476	67.813.621.446
<i>Nguyên giá</i>	222		207.131.512.543	166.987.433.538
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(114.038.613.067)	(99.173.812.092)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	21.628.180.150	132.113.930
<i>Nguyên giá</i>	228		22.024.269.875	506.727.200
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(396.089.725)	(374.613.270)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	17.054.184.428	15.100.000.000
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		4.102.000.000	27.992.825.111
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	23.890.825.111
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	4.102.000.000	4.102.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		17.970.434.000	18.382.912.731
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	5.354.531.032	5.501.062.672
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.15	4.615.902.968	3.881.850.059
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.16	8.000.000.000	9.000.000.000
V. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		770.992.161.472	784.680.483.005

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		526.772.862.099	577.403.483.721
I. Nợ ngắn hạn	310		515.869.760.697	575.794.684.153
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	345.322.878.938	435.608.781.397
2. Phải trả người bán	312	V.18	78.597.240.695	27.200.746.716
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19	11.508.969.517	13.433.427.242
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	11.973.121.219	29.704.322.496
5. Phải trả người lao động	315	V.21	31.994.900.083	36.409.986.184
6. Chi phí phải trả	316	V.22	10.332.757.339	11.787.832.212
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	26.520.981.658	21.527.915.751
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.24	(381.088.752)	121.672.155
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	320		10.903.101.402	1.608.799.568
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	IV.14	9.741.363.900	1.182.636.840
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.25	1.161.737.502	426.162.728
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		221.760.862.825	188.508.758.794
I. Vốn chủ sở hữu	410		221.760.862.825	188.508.758.794
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.26	120.000.000.000	120.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.26	1.549.860.247	1.549.860.247
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.26	-	(2.201.151.170)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.26	1.087.174.889	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.26	17.641.332.127	6.774.368.179
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.26	17.556.801.924	12.123.319.950
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.26	331.500.000	433.500.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.26	63.594.193.638	49.828.861.588
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.27	22.458.436.548	18.768.240.490
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		770.992.161.472	784.680.483.005

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012


Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
Dollar Mỹ (USD)		812.908,25	513.638,30
Euro (EUR)		1.000,00	-
Dollar Úc (AUD)		2.250,00	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Biên Hòa, ngày 15 tháng 8 năm 2013


Trần Thị Thu
Người lập biểu


Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng




Phan Ngọc Châu
TỔNG GIÁM ĐỐC



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.453.717.509.429	1.290.975.419.227
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03	VI.1	-	1.397.289.388
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.453.717.509.429	1.289.578.129.839
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.194.514.270.118	1.031.317.143.257
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		259.203.239.311	258.260.986.582
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.841.850.602	10.143.774.508
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	44.731.131.326	67.028.415.895
Trong đó: chi phí lãi vay	23		43.183.310.248	58.825.455.268
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	52.798.509.807	53.421.536.490
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	61.740.788.638	49.256.343.036
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		105.774.660.142	98.698.465.669
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.275.463.123	1.477.412.212
12. Chi phí khác	32		586.771.129	919.221.504
13. Lợi nhuận khác	40		688.691.994	558.190.708
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		106.463.352.136	99.256.656.377
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	25.491.156.478	28.754.808.618
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.15	(734.052.909)	(1.148.976.642)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>81.706.248.567</u>	<u>71.650.824.401</u>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		15.587.330.636	14.211.132.562
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		66.118.917.931	57.439.691.839
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>5.510</u>	<u>4.843</u>

Biên Hòa, ngày 15 tháng 8 năm 2013


Trần Thị Thu
Người lập biểu


Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng


Phạm Ngọc Châu
TỔNG GIÁM ĐỐC



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		106.463.352.136	99.256.656.377
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10, V.11	14.924.946.405	15.233.492.115
- Các khoản dự phòng	03	V.6, V.8	(1.493.154.299)	(697.115.315)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	V.26, VI.3	(1.198.881.011)	245.361.008
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7	(3.475.033.617)	(6.172.946.233)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	43.183.310.248	58.825.455.268
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		158.404.539.862	166.690.903.220
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		50.773.534.791	(21.839.583.725)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.429.843.836	4.001.614.543
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		51.841.422.593	(60.179.404.547)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		146.531.640	(1.616.404.985)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.22, VI.4	(46.920.629.966)	(55.160.980.728)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.20	(35.236.632.929)	(21.685.545.824)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		9.912.844.531	4.809.101.111
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(18.825.680.907)	(37.925.537.302)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		172.525.773.451	(22.905.838.237)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.11 V.12, VII	(51.416.421.662)	(22.825.026.445)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	1.272.727	800.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(2.662.084.000)	(3.582.416.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(11.742.320.240)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3	3.443.202.723	5.871.244.867
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(50.634.030.212)	(31.478.517.818)

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.26	2.201.151.170	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.17	473.818.597.530	802.549.733.029
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.17	(564.104.499.989)	(731.796.944.013)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.26	(25.498.510.125)	(23.764.316.654)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(113.583.261.414)	46.988.472.362
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		8.308.481.825	(7.395.883.693)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	141.030.631.546	148.450.977.655
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		138.884.338	(24.462.416)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	149.477.997.709	141.030.631.546

Biên Hòa, ngày 15 tháng 8 năm 2013


Trần Thị Thu
Người lập biểu


Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng


Phan Ngọc Châu
TỔNG GIÁM ĐỐC



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT **Năm 2012**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần thiết bị điện cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần thiết bị điện (Công ty mẹ) và các Công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất.
- Ngành nghề kinh doanh** : Thiết kế, chế tạo, bán buôn và bán lẻ các loại máy biến thế, động cơ điện, các loại máy móc thiết bị điện cao áp, hạ áp và phụ tùng; Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại vật tư thiết bị điện cao hạ áp; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt thiết bị điện cao hạ áp; Thiết kế, thi công lắp đặt các công trình thiết bị điện.
- Tổng số các công ty con** : 02
- Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi	Đường số 9, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	51,00%	51,00%
Công ty liên doanh Thibidi (Cambodia)	Lô P1-003, Đặc khu kinh tế Phnom Penh, đường số 4, quận Angsnuol, tỉnh Kandal, Campuchia	63,75%	63,75%

- Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 Tập đoàn có 657 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (cuối năm trước là 622 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thiết bị điện đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần thiết bị điện (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 24 tháng 10 năm 2012 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư này qui định tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn có giao dịch phát sinh, tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản công bố thay vì sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng như hướng dẫn tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Các qui định khác của Thông tư này tương tự như hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái mà Tập đoàn đang áp dụng.

5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 25

9. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và mua sắm tài sản cố định chưa hoàn thành. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

13. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

14. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

16. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Tập đoàn từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc là $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước ngày kết thúc năm tài chính cho 01 năm làm việc và được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Các công ty trong Tập đoàn phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Tập đoàn không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc chi trả trong năm được ghi giảm số dư đã trích lập trong các năm trước. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước không đủ để chi trợ cấp thôi việc cho người lao động thì toàn bộ phần chi còn thiếu được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

17. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Tập đoàn phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

18. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

19. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các Công ty trong Tập đoàn. Tỷ lệ trích lập được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

	Mục đích
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

21. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: Ngày 31/12/2012 : 20.815 VND/USD
Ngày 31/12/2011 : 20.828 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

23. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn chỉ gồm nhóm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

24. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

25. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

26. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

27. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.897.502.490	724.209.256
Tiền gửi ngân hàng	67.114.185.435	45.306.422.290
Các khoản tương đương tiền (*)	80.466.309.784	95.000.000.000
Cộng	<u>149.477.997.709</u>	<u>141.030.631.546</u>

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

Các khoản tương đương tiền trị giá 10.466.309.784 VND được dùng đảm bảo cho khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khu công nghiệp Biên Hòa.

2. Đầu tư ngắn hạn

Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với lãi suất 3% - 5,25%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần thiết bị điện	37.131.485.567	81.244.554.369
Tại Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi	10.022.515.704	16.752.288.217
Tại Thibidi (Cambodia) Co., Ltd.	7.542.220.334	-
Cộng	54.696.221.605	97.996.842.586

4. Trả trước người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần thiết bị điện	5.108.471.113	35.089.606.544
Tại Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi	1.875.865.021	39.010.280
Tại Thibidi (Cambodia) Co., Ltd.	3.651.448.270	-
Cộng	10.635.784.404	35.128.616.824

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu Công đoàn tiền vay mượn cổ phần	1.265.328.255	2.079.125.578
Thuế thu nhập cá nhân phải thu lại người lao động	1.867.542.993	3.310.747.556
Lãi tiền gửi dự thu	568.843.366	538.285.199
Các khoản phải thu khác	179.939.576	53.318.871
Cộng	3.881.654.190	5.981.477.204

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	12.097.631.510
Trích lập dự phòng bổ sung	121.926.280
Số cuối năm	12.219.557.790

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	-	741.185.208
Nguyên liệu, vật liệu	152.426.095.329	192.922.377.719
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	53.374.685.611	47.799.968.752
Thành phẩm	151.470.148.111	123.575.669.279
Hàng hóa	22.384.362.438	17.045.934.367
Cộng	379.655.291.489	382.085.135.325

Toàn bộ hàng tồn kho đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Biên Hòa và Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	2.636.037.551
Hoàn nhập dự phòng	(1.615.080.579)
Số cuối năm	1.020.956.972

9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	4.092.852.896	2.204.735.255
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.666.283.675	1.655.695.974
Tài sản thiếu chờ xử lý	8.852.316.167	231.128.134
Cộng	24.611.452.738	4.091.559.363

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	57.360.733.822	87.507.585.348	15.918.329.737	6.200.784.631	166.987.433.538
Mua trong năm	16.756.552.569	19.583.141.605	982.614.776	1.521.167.440	38.843.476.390
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	1.148.988.000	170.221.115	1.319.209.115
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(18.606.500)	(18.606.500)
Số cuối năm	74.117.286.391	107.090.726.953	18.049.932.513	7.873.566.686	207.131.512.543
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.649.938.377	44.002.014.278	5.575.603.000	4.524.683.922	55.752.239.577
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	25.054.070.848	60.331.892.269	8.889.757.262	4.898.091.713	99.173.812.092
Khấu hao trong năm	3.643.334.839	8.974.925.729	1.594.685.534	670.461.373	14.883.407.475
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(18.606.500)	(18.606.500)
Số cuối năm	28.697.405.687	69.306.817.998	10.484.442.796	5.524.124.691	114.012.791.172
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	32.306.662.974	27.175.693.079	7.028.572.475	1.302.692.918	67.813.621.446
Số cuối năm	45.419.880.704	37.783.908.955	7.565.489.717	2.323.620.100	93.092.899.476
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 184.316.927.075 VND và 71.273.439.700 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Biên Hòa.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	-	486.664.725	20.062.475	506.727.200
Mua sắm mới	5.941.666.728	25.000.000	1.399.320.430	7.365.987.158
Tăng do hợp nhất kinh doanh	14.171.617.992	-	-	14.171.617.992
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(20.062.475)	(20.062.475)
Số cuối năm	20.113.284.720	511.664.725	1.399.320.430	22.024.269.875
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	340.224.725	-	340.224.725
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	354.550.795	20.062.475	374.613.270
Khấu hao trong năm	-	41.538.930	-	41.538.930
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(20.062.475)	(20.062.475)
Số cuối năm	-	396.089.725	-	396.089.725
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	132.113.930	-	132.113.930
Số cuối năm	20.113.284.720	115.575.000	1.399.320.430	21.628.180.150
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ (*)	15.100.000.000	-	-	-	15.100.000.000
XDCB dở dang Công trình tại Cambodia	-	1.954.184.428	7.866.821.516	(7.866.821.516)	1.954.184.428
Cộng	15.100.000.000	1.954.184.428	7.866.821.516	(7.866.821.516)	17.054.184.428

(*) Chi phí mua đất thuộc dự án khu đô thị mới tại An Phú – An Khánh. Hiện tại Công ty đã nhận bàn giao lô đất từ người bán nhưng chưa hoàn tất thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

13. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần điện cơ Hà Nội	100.000	1.002.000.000	100.000	1.002.000.000
Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam	50.000	1.000.000.000	50.000	1.000.000.000
Tổng Công ty cổ phần thiết bị điện Việt Nam	200.000	2.100.000.000	200.000	2.100.000.000
Cộng		4.102.000.000		4.102.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Chi phí trả trước dài hạn

Số đầu năm	5.501.062.672
Tăng trong năm	4.520.135.240
Tăng do hợp nhất kinh doanh	137.494.107
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	(4.804.160.987)
Số cuối năm	5.354.531.032

15. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	3.881.850.059
Phát sinh trong năm	734.052.909
Số cuối năm	4.615.902.968

16. Tài sản dài hạn khác

Ký quỹ làm đại lý bán hàng.

17. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	249.716.561.439	373.495.880.704
Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu công nghiệp Biên Hòa ^(a)	249.424.186.566	271.942.756.820
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai ^(b)	292.374.873	101.553.123.884
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	95.606.317.499	62.112.900.693
Tổng Công ty thiết bị điện Việt Nam ^(c)	60.880.000.000	45.520.000.000
Các cá nhân khác ^(d)	34.726.317.499	16.592.900.693
Cộng	345.322.878.938	435.608.781.397

(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Biên Hòa với lãi suất từng thời điểm nhận nợ, để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản tiền gửi có kỳ hạn, tài sản cố định và hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.1, V.7 và V.10).

(b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.7).

(c) Khoản vay Tổng Công ty thiết bị điện Việt Nam với lãi suất từ 9 – 14%/năm tùy theo thời điểm trong năm.

(d) Khoản vay các cá nhân với lãi suất 10,5 – 15%/năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	373.495.880.704	429.351.615.308	(553.130.934.574)	249.716.561.438
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	62.112.900.693	44.466.982.222	(10.973.565.415)	95.606.317.500
Cộng	435.608.781.397	473.818.597.530	(564.104.499.989)	345.322.878.938

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**18. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần thiết bị điện	15.930.250.908	7.092.586.172
Tại Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi	61.690.596.020	20.108.160.544
Tại Thibidi (Cambodia) Co., Ltd.	976.393.767	-
Cộng	<u>78.597.240.695</u>	<u>27.200.746.716</u>

19. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần thiết bị điện	5.984.334.080	11.060.080.015
Tại Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi	5.470.100.137	2.373.347.227
Tại Thibidi (Cambodia) Co., Ltd.	54.535.300	-
Cộng	<u>11.508.969.517</u>	<u>13.433.427.242</u>

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	11.004.006.573	19.530.040.051	(27.389.453.530)	3.144.593.094
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	8.441.257.022	(8.441.257.022)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	391.683.038	(391.683.038)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.383.498.722	25.491.156.478	(35.236.632.929)	8.638.022.271
Thuế thu nhập cá nhân	316.817.201	5.958.283.341	(6.084.594.688)	190.505.854
Các loại thuế khác	-	10.000.000	(10.000.000)	-
Cộng	<u>29.704.322.496</u>	<u>59.822.419.930</u>	<u>(77.553.621.207)</u>	<u>11.973.121.219</u>

21. Phải trả người lao động

Lương phải trả cho nhân viên.

22. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hoa hồng	3.847.479.504	4.411.664.077
Chi phí lãi vay	1.318.624.824	5.055.944.542
Chi phí phải trả khác	5.166.653.011	2.320.223.593
Cộng	<u>10.332.757.339</u>	<u>11.787.832.212</u>

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ xử lý	9.301.943.268	1.139.273.242
Kinh phí công đoàn	1.578.267.365	1.374.589.416
Cổ tức phải trả	14.114.434.419	15.636.627.944
Kinh phí hoạt động Đảng	1.120.718.757	1.154.871.681
Các khoản phải trả khác	405.617.849	2.222.553.468
Cộng	<u>26.520.981.658</u>	<u>21.527.915.751</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tăng do trích			Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
	Số đầu năm	lập từ lợi nhuận	Tăng khác		
Quỹ khen thưởng	(1.239.396.667)	16.000.000.000	25.000.000	(15.052.613.907)	(267.010.574)
Quỹ phúc lợi	1.361.068.822	2.000.000.000	-	(3.475.147.000)	(114.078.178)
Cộng	121.672.155	18.000.000.000	25.000.000	(18.527.760.907)	(381.088.752)

25. Doanh thu chưa thực hiện

Giá trị đã xuất hóa đơn theo tiến độ thanh toán trên hợp đồng của các công trình lắp đặt.

26. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm trang 37.

Cổ tức

Trong năm, Tập đoàn đã chi trả cổ tức như sau:

Trả cổ tức năm trước tại Công ty mẹ	15.636.627.944
Tạm ứng cổ tức tại Công ty mẹ	6.037.882.181
Trả cổ tức tại Công ty con	3.824.000.000
Cộng	25.498.510.125

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	12.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	139.264
- Cổ phiếu phổ thông	-	139.264
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	11.860.736
- Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	11.860.736
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

27. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

Số đầu năm	18.768.240.490
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	15.587.330.636
Tăng do hợp nhất kinh doanh	(542.671.921)
Tăng khác từ lợi nhuận	107.617.343
Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận	(11.074.000.000)
Giảm khác do chi quỹ khác và chi từ lợi nhuận	(388.080.000)
Số cuối năm	22.458.436.548

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	1.453.717.509.429	1.290.975.419.227
- Doanh thu bán thành phẩm	1.076.873.141.553	1.191.038.267.274
- Doanh thu bán vật tư	357.388.156.280	86.785.552.368
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.134.848.609	1.783.332.821
- Doanh thu hoạt động xây dựng	11.321.362.987	11.368.266.764
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(1.397.289.388)
- Hàng bán bị trả lại	-	(1.397.289.388)
Doanh thu thuần	<u>1.453.717.509.429</u>	<u>1.289.578.129.839</u>
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	1.076.873.141.553	1.189.640.977.886
- Doanh thu thuần bán vật tư	357.388.156.280	86.785.552.368
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	8.134.848.609	1.783.332.821
- Doanh thu thuần hoạt động xây dựng	11.321.362.987	11.368.266.764

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã tiêu thụ	871.405.042.958	939.015.168.451
Giá vốn của vật tư đã tiêu thụ	309.518.160.235	83.705.112.334
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.640.955.278	42.059.142
Giá vốn của hoạt động xây dựng	10.565.192.226	10.848.544.763
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.615.080.579)	(2.293.741.433)
Cộng	<u>1.194.514.270.118</u>	<u>1.031.317.143.257</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.993.793.890	5.841.234.233
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	840.198.731	2.063.168.339
Lãi ký quỹ và chiết khấu thanh toán	1.110.371.970	1.555.887.645
Cổ tức, lợi nhuận được chia	479.967.000	319.900.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	111.706.122	324.292.463
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	305.812.889	39.291.828
Cộng	<u>5.841.850.602</u>	<u>10.143.774.508</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	43.183.310.248	58.825.455.268
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	569.653.471
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.547.821.078	7.403.538.782
Chi phí khác	-	229.768.374
Cộng	<u>44.731.131.326</u>	<u>67.028.415.895</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân công	12.003.547.919	10.734.860.689
Chi phí khấu hao tài sản cố định	563.042.776	447.986.945
Chi phí chiết khấu bán hàng	26.278.230.950	26.912.423.934
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.781.195.184	4.453.176.091
Chi phí khác	9.172.492.978	10.873.088.831
Cộng	<u>52.798.509.807</u>	<u>53.421.536.490</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	14.684.190.433	16.595.560.157
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.603.469.063	1.600.553.014
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.993.981.307	2.726.173.692
Thuế, phí và lệ phí	740.221.977	4.344.070.411
Chi phí dự phòng	10.003.806.610	965.306.996
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	3.450.821.642	3.982.436.823
Chi phí khác	28.264.297.606	19.042.241.943
Cộng	<u>61.740.788.638</u>	<u>49.256.343.036</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.272.727	800.000.000
Các khoản nợ không xác định được chủ	-	210.544.237
Thu nhập khác	1.274.190.396	466.867.975
Cộng	<u>1.275.463.123</u>	<u>1.477.412.212</u>

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	66.118.917.931	57.439.691.839
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	66.118.917.931	57.439.691.839
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	12.000.000	11.860.736
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>5.510</u>	<u>4.843</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, các công ty trong Tập đoàn đã mua bằng cách nhận nợ một số tài sản cố định trị giá 2.036.949.578 VND (số dư cuối năm trước là 5.289.723.264 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty cổ phần thiết bị điện và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty cổ phần thiết bị điện trong năm là 1.255.873.228 VND (năm trước là 1.296.280.400 VND).

Trong năm, thành viên Ban Tổng Giám đốc có cho Công ty vay tiền. Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư tiền vay thành viên Ban Tổng Giám đốc là 850.000.000 VND (số dư năm trước là 700.000.000 VND).

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn chỉ có Tổng Công ty cổ phần thiết bị điện Việt Nam - Cổ đông đại diện vốn Nhà nước nắm giữ 64% vốn điều lệ.

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Tập đoàn với Tổng Công ty cổ phần thiết bị điện Việt Nam như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bán hàng hóa	226.380.000	3.286.408.188
Mua hàng hóa	39.114.924.938	39.101.727.070
Tiền vay phát sinh trong năm	15.360.000.000	11.520.000.000
Lãi vay phải trả trong năm	9.455.900.000	11.605.344.445

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với Tổng Công ty cổ phần thiết bị điện Việt Nam như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu tiền bán hàng	249.018.000	-
Cộng nợ phải thu	249.018.000	-
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả tiền hàng	6.180.775.852	2.452.524.949
Tiền vay phải trả	60.880.000.000	60.520.000.000
Tiền lãi vay phải trả	337.500.000	4.040.900.000
Cổ tức phải trả	11.728.896.000	-
Cộng nợ phải trả	79.127.171.852	67.013.424.949

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất máy biến thế.
- Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa.
- Các lĩnh vực khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được thể hiện ở phụ lục 02 đính kèm từ trang 38 đến trang 40.

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn trong năm 2012 hầu hết diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Thuê hoạt động

Các hợp đồng đi thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê đất và phí sử dụng hạ tầng sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	595.545.431	689.096.893
Trên 01 năm đến 05 năm	1.506.181.724	1.505.569.590
Trên 05 năm	10.641.300.582	10.961.721.480
Cộng	<u>12.743.027.737</u>	<u>13.156.387.963</u>

Công ty cổ phần thiết bị điện thuê 34.994,9 m² đất dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê đã được ký với Công ty Phát triển Khu Công nghiệp Biên Hòa có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2001 đến ngày 12 tháng 4 năm 2051 và có khả năng được gia hạn thêm. Giá thuê đất là 800 đồng/m²/năm và phí sử dụng hạ tầng là 0,4 USD/m²/năm.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc các công ty trong Tập đoàn chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Giám đốc các công ty trong Tập đoàn đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</u>	<u>Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm					
Tiền và các khoản trương đương tiền	149.477.997.709	-	-	-	149.477.997.709
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.244.500.000	-	-	-	6.244.500.000
Phải thu khách hàng	42.476.663.815	-	-	12.219.557.790	54.696.221.605
Các khoản phải thu khác	22.282.609.610	-	-	-	22.282.609.610
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	4.102.000.000	-	-	-	4.102.000.000
Cộng	224.583.771.134	-	-	12.219.557.790	236.803.328.924
Số đầu năm					
Tiền và các khoản trương đương tiền	141.030.631.546	-	-	-	141.030.631.546
Phải thu khách hàng	86.040.288.656	-	-	11.956.553.930	97.996.842.586
Các khoản cho vay	3.582.416.000	-	-	-	3.582.416.000
Các khoản phải thu khác	18.841.908.433	-	-	-	18.841.908.433
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	4.102.000.000	-	-	-	4.102.000.000
Cộng	253.597.244.635	-	-	11.956.553.930	265.553.798.565

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Các công ty trong Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Trên 05 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Vay và nợ	346.641.503.762	-	-	346.641.503.762
Phải trả cho người bán	78.597.240.695	-	-	78.597.240.695
Các khoản phải trả khác	23.534.184.783	-	-	23.534.184.783
Cộng	448.772.929.240	-	-	448.772.929.240

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Trên 05 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm				
Vay và nợ	435.608.781.397	-	-	435.608.781.397
Phải trả cho người bán	27.200.746.716	-	-	27.200.746.716
Các khoản phải trả khác	28.464.376.784	1.182.636.840	-	29.647.013.624
Cộng	491.273.904.897	1.182.636.840	-	492.456.541.737

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	<u>Số cuối năm (USD)</u>	<u>Số đầu năm (USD)</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	812.908,25	513.638,30
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	300.000,00	-
Phải thu khách hàng	-	614.921,00
Các khoản cho vay	-	172.000,00
Vay và nợ	-	(811.090,00)
Phải trả người bán	-	(13.985,50)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	1.112.908,25	475.483,80

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Các công ty trong Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	80.466.309.784	-	95.000.000.000,00	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	300.000,00	-	-
Các khoản cho vay	-	-	-	172.000,00
Vay và nợ	(345.322.878.938)	-	(418.715.398.877)	(811.090,00)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	(264.856.569.154)	300.000,00	(323.715.398.877)	(639.090,00)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 5.297.131.383 VND (năm trước giảm/tăng 6.474.307.978 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của lãi suất năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tập đoàn thế chấp khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khu công nghiệp Biên Hòa (xem thuyết minh số V1). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 10.466.309.784 VND.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	149.477.997.709	-	141.030.631.546	-	149.477.997.709	141.030.631.546
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.244.500.000	-	-	-	6.244.500.000	-
Phải thu khách hàng	54.696.221.605	(12.219.557.790)	97.996.842.586	(12.097.631.510)	42.476.663.815	85.899.211.076
Các khoản cho vay	-	-	3.582.416.000	-	-	3.582.416.000
Các khoản phải thu khác	22.282.609.610	-	18.841.908.433	-	22.282.609.610	18.841.908.433
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	4.102.000.000	-	4.102.000.000	-	4.102.000.000	4.102.000.000
Cộng	236.803.328.924	(12.219.557.790)	265.553.798.565	(12.097.631.510)	224.583.771.134	253.456.167.055

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Vay và nợ	345.322.878.938	435.608.781.397	345.322.878.938
Phải trả người bán	78.597.240.695	27.200.746.716	78.597.240.695	27.200.746.716
Các khoản phải trả khác	24.852.809.607	29.647.013.624	24.852.809.607	29.647.013.624
Cộng	448.772.929.240	492.456.541.737	448.772.929.240	492.456.541.737

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ước tính bằng giá trị sổ sách trừ khoản chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Trần Thị Thu
Người lập biểu

Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng

Phan Ngọc Châu
TỔNG GIÁM ĐỐC

Biên Hòa, ngày 15 tháng 8 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	120.000.000.000	1.549.860.247	(2.201.151.170)	-	4.226.368.179	6.720.319.950	229.500.000	58.369.768.299	188.894.665.505
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	57.439.691.839	57.439.691.839
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	-	2.548.000.000	5.403.000.000	204.000.000	(26.300.000.000)	(18.145.000.000)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(39.190.563.840)	(39.190.563.840)
Chi thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	-	-	-	(288.000.000)	(288.000.000)
Chi khác	-	-	-	-	-	-	-	(202.034.710)	(202.034.710)
Số dư cuối năm trước	120.000.000.000	1.549.860.247	(2.201.151.170)	-	6.774.368.179	12.123.319.950	433.500.000	49.828.861.588	188.508.758.794
Số dư đầu năm nay	120.000.000.000	1.549.860.247	(2.201.151.170)	-	6.774.368.179	12.123.319.950	433.500.000	49.828.861.588	188.508.758.794
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	1.087.174.889	-	-	-	(2.512.913.247)	(1.425.738.358)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	66.118.917.931	66.118.917.931
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	2.201.151.170	-	-	-	-	-	2.201.151.170
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	-	10.866.963.948	5.433.481.974	204.000.000	(29.502.445.922)	(12.998.000.000)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(20.152.316.600)	(20.152.316.600)
Chi thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	-	-	-	(297.920.000)	(297.920.000)
Chi khác	-	-	-	-	-	-	(306.000.000)	-	(306.000.000)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	112.009.888	112.009.888
Số dư cuối năm nay	120.000.000.000	1.549.860.247	-	1.087.174.889	17.641.332.127	17.556.801.924	331.500.000	63.594.193.638	221.760.862.825

Trần Thị Thu
Người lập biểu

Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng



Biên Hòa, ngày 15 tháng 8 năm 2013

Phan Ngọc Châu
TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Sản xuất máy biến thế</u>	<u>Kinh doanh hàng hóa</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.076.873.141.553	357.388.156.280	19.456.211.596	1.453.717.509.429
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.076.873.141.553	357.388.156.280	19.456.211.596	1.453.717.509.429
Chi phí bộ phận	869.789.962.379	309.518.160.235	15.206.147.504	1.194.514.270.118
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	207.083.179.174	47.869.996.045	4.250.064.092	259.203.239.311
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(114.539.298.445)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				144.663.940.866
Doanh thu hoạt động tài chính				5.841.850.602
Chi phí tài chính				(44.731.131.326)
Thu nhập khác				1.275.463.123
Chi phí khác				(586.771.129)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(25.491.156.478)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				734.052.909
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				81.706.248.567
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	(46.209.463.548)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	14.899.124.510
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN


Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.189.640.977.886	86.785.552.368	13.151.599.585	1.289.578.129.839
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.189.640.977.886	86.785.552.368	13.151.599.585	1.289.578.129.839
Chi phí bộ phận	936.721.427.018	83.705.112.334	10.890.603.905	1.031.317.143.257
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	252.919.550.868	3.080.440.034	2.260.995.680	258.260.986.582
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(102.677.879.526)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				155.583.107.056
Doanh thu hoạt động tài chính				10.143.774.508
Chi phí tài chính				(67.028.415.895)
Thu nhập khác				1.477.412.212
Chi phí khác				(919.221.504)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(28.754.808.618)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				1.148.976.642
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				71.650.824.401
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-


Trần Thị Thu
Người lập biểu


Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng



Biên Hòa, ngày 15 tháng 8 năm 2013


Phan Ngọc Châu
TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Đường số 9, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

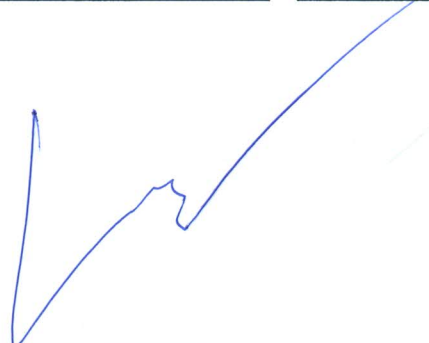
Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Sản xuất máy biến thế	Kinh doanh hàng hóa	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				770.992.161.472
Tổng tài sản				770.992.161.472
Nợ phải trả				
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				526.772.862.099
Tổng nợ phải trả				526.772.862.099
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				784.680.483.005
Tổng tài sản				784.680.483.005
Nợ phải trả				
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				577.403.483.721
Tổng nợ phải trả				577.403.483.721

Biên Hòa, ngày 15 tháng 8 năm 2013


Trần Thị Thu
Người lập biểu


Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng




Phan Ngọc Châu
TỔNG GIÁM ĐỐC